TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tô Thị Bích Hồn;
2. Ông Bùi Quốc Tuấn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 205/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1958, có mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã B.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh S - Chủ tịch UBND xã B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày có nội dung:

Về tình trạng hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ngày 17/9/1999. Sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng bình thường được khoảng hai năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi, chửi nhau, và đã sống ly thân từ 2001 đến nay. Đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông Nguyễn Ngọc T. Bà L còn cung cấp tài liệu tự xác minh, thời gian làm thủ tục đăng ký kết hôn, ông T đã lừa dối bà vì lúc đó

ông T vẫn tồn tại hôn nhân với bà Nguyễn Thị T ở thôn P, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào kết quả ủy thác thu thập chứng cứ do Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thu thập: Theo Trích lục kết hôn của xã Phượng Lâu, ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 24/01/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Phượng Lâu và theo Trích lục Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 429/TL-QĐ ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 429/2016/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2016 đã quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, vắng mặt không có lý do.

Tại đơn trình bày ngày 06/11/2017, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy Ban nhân dân xã B có nội dung:

Ngày 17/9/1999 Ủy ban nhân dân xã B làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956, có hộ khẩu thường trú tại thôn A, K, Hải Dương với chị Trần Thị L, sinh năm 1958, có hộ khẩu thường trú tại xã B, Đ. Khi Ủy ban tiến hành đăng ký kết hôn cho anh T và chị L, anh T có xuất trình giấy giới thiệu kết hôn do Ủy ban nhân dân xã A, huyện K cấp để làm thủ tục đăng ký kết hôn lần hai. Ủy ban nhân dân xã Bình Khê thấy anh T đủ điều kiện, nên đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh T và chị L.

Ủy ban nhân dân xã B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông Nguyễn Ngọc T

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, không có mặt tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Thị L với ông Nguyễn Ngọc T được Ủy ban nhân dân xã Bình khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đăng ký ngày 17/9/1999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều nhận định:

[2]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, vắng mặt, mặc dù đã được tống đạt và niêm yết theo đúng thủ tục tố tụng dân sự, còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Cho nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của bà Trần Thị L và ông Nguyễn Ngọc T được Ủy ban nhân dân xã Bình Khê làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 17/9/1999 là trái pháp luật, vi phạm Điều 7 Cấm kết hôn trong những trường hợp sau đây: a) Đang có vợ hoặc có chồng, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Tại vì, theo Trích lục kết hôn, ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 24/01/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Phương Lâu và theo Trích lục Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 429/TL-QĐ ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 429/2016/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2016 đã quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị T. Như vậy, ngày 17/9/1999, Ủy ban nhân dân xã Bình Khê đăng ký kết hôn cho bà L với ông T, cùng lúc ông T đang tồn tại hôn nhân hợp pháp với bà Nguyễn Thị T. Nay bà L yêu cầu ly hôn, nhưng kết hôn giữa bà L với ông Nguyễn Ngọc T tại thời điểm được đăng ký kết hôn đã vi phạm các điều cấm kết hôn theo các Điều 4, Điều 7 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, nên cần phải hủy kết hôn trái pháp luật.

[4]. *Về án phí:*

Bà Trần Thị L là nguyên đơn trong vụ án, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 4, Điều 7 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Trần Thị L với ông Nguyễn Ngọc T được Ủy ban nhân dân xã Bình khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đăng ký ngày 17/9/1999.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006990 ngày 13/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Bà Trần Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân xã B và ông Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND thị xã Đông Triều;
-Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
-UBND xã Bình Khê (Nơi đăng ký kết hôn);
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Nam